

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *18* /2019/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *13* tháng 12 năm 2019

### **NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2008 và phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;*

*Xét Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2008 và Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2008 và phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh một số tuyến đường đã có trong Quy hoạch được phê duyệt:

a) Điều chỉnh quy mô tuyến đường bộ ven biển từ đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005) lên quy mô đường cấp II đồng bằng (TCVN 4054-2005).

b) Điều chỉnh quy hoạch và đổi tên tuyến đường Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Nghìn đến đầu đường tránh S1 thành tuyến đường từ Thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn: Điểm đầu bờ sông Hóa tiếp giáp với đường tránh Quốc lộ 10 địa phận thành phố Hải Phòng (cách cầu Nghìn khoảng 1,3Km về phía hạ lưu); điểm cuối tại nút giao tuyến tránh Quốc lộ 10 (tuyến tránh S1). Tổng chiều dài khoảng  $L=21,6\text{Km}$ . Quy mô đường cấp II đồng bằng.

c) Đoạn quy hoạch điều chỉnh đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) có điểm đầu vượt sông Trà Lý trên đường nối từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam (khu vực Cống Vực) đi trùng với đường huyện 56 đến Quốc lộ 39 (cầu Cao Mỗ). Chiều dài đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) điều chỉnh  $L=2,65\text{Km}$ . Quy mô đường cấp III đồng bằng. Tuyến đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) sau khi điều chỉnh có điểm đầu là cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực), điểm cuối là xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy. Tổng chiều dài toàn tuyến là 39,05Km.

2. Bổ sung vào Quy hoạch một số tuyến đường như sau:

a) Bổ sung quy hoạch đường từ Quốc lộ 10 vào Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ: Điểm đầu giao Quốc lộ 10 tại Km58+992 thuộc địa phận Thị trấn An Bài; điểm cuối nối với Khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp, huyện Quỳnh Phụ. Tổng chiều dài  $L=2,0\text{Km}$ , quy mô đường cấp II đồng bằng.

b) Bổ sung quy hoạch tuyến đường nối từ cầu sông Hóa đến Quốc lộ 37: Điểm đầu cầu sông Hóa (Km9+640 Quốc lộ 37); điểm cuối Km7+500 Quốc lộ 37. Tổng chiều dài  $L=1,5\text{Km}$ . Quy mô đường cấp III đồng bằng.

c) Bổ sung quy hoạch đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực) vào Quốc lộ 39: Điều chỉnh, thay thế đoạn 1 quy hoạch đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) đoạn từ đường nối từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam đến Quốc lộ 39 (đi trùng với đường huyện 47) chiều dài  $L=2,9\text{Km}$  bằng tuyến đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý trên đường nối từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam (khu vực Cống Vực) đến Quốc lộ 39. *Thuy*

3. Bổ sung nhu cầu quỹ đất và nhu cầu vốn như sau:

a) Nhu cầu quỹ đất để thực hiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung:

TT	Hạng mục	Chiều dài (km)	Chiều rộng chiếm dụng (m)	Diện tích đất chiếm dụng (m <sup>2</sup> )
1	Đường từ QL.10 vào Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ	2,0	67,5	135.000
2	Đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	22	67,5	1.485.000
3	Tuyến nối từ cầu sông Hóa đến QL.37	1,2	48,0	57.600
4	Đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực) đến QL.39	2,65	48,0	127.200
5	Tuyến đường bộ ven biển	45,0	67,5	
	<b>Tổng</b>	<b>72,85</b>		<b>1.804.800</b>

b) Nhu cầu vốn để thực hiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung:

STT	Hạng mục	Chiều dài (km)	Suất đầu tư (Phần đường: Tỷ đồng/Km; Phần cầu: Tỷ đồng/m <sup>2</sup> )	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Đường từ QL.10 vào Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ	2,0	45,3	90,6
2	Đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn			
a	Phần đường	21,6	45,3	978,48
b	Phần cầu	27.945m <sup>2</sup>	0,02572	718,74
c	Các chi phí khác: GPMB, Lãi vay, Trạm thu phí...			1.473,18
3	Tuyến nối từ cầu sông Hóa đến QL.37	1,5	24,14	36,21
4	Đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực) đến QL.39	2,65		
a	Phần đường nâng cấp từ cấp IV	2,1	12,07	25,35

STT	Hạng mục	Chiều dài (km)	Suất đầu tư (Phần đường: Tỷ đồng/Km; Phần cầu: Tỷ đồng/m <sup>2</sup> )	Kinh phí (tỷ đồng)
	<i>lên cấp III (tính 1/2) kinh phí xây mới cấp III</i>			
<i>b</i>	<i>Phần làm mới</i>	<i>0,55</i>	<i>24,14</i>	<i>13,28</i>
<i>c</i>	<i>Phần nút giao Cống Vực (tạm tính)</i>			<i>32,71</i>
5	Tuyến đường bộ ven biển			
<i>a</i>	<i>Phần đường</i>	<i>41,0</i>	<i>45,3</i>	<i>1.857</i>
<i>b</i>	<i>Phần cầu nhỏ</i>	<i>6.026m<sup>2</sup></i>	<i>0,02572</i>	<i>150,65</i>
<i>c</i>	<i>Cầu lớn</i>	<i>81.581m<sup>2</sup></i>	<i>0,03959</i>	<i>3.229</i>
	<b>Tổng</b>			<b>8.605,19</b>

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2019. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Giao thông vận tải; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND; UBND huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



**Nguyễn Hồng Diên**